

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Trắc nghiệm (35 câu - 7,0 điểm)

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Số CH	Điểm
1. Mệnh đề. Tập hợp	<b>1.1. Mệnh đề</b> <b>Nhận biết:</b> - Biết thế nào là mệnh đề chứa biến. - Liệt kê các phần tử của tập hợp từ một phát biểu. - Xác định mệnh đề phủ định của mệnh đề chứa kí hiệu với mọi, tồn tại.	2			2	0,4
	<b>1.2. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp</b> <b>Nhận biết:</b> - Biết các phần tử thuộc hoặc không thuộc một tập hợp. - Xác định tập con của một tập hợp cho trước. <b>Thông hiểu:</b> - Chỉ ra tính chất đặc trưng của các phần tử của tập hợp. - Tìm hợp, phần bù của hai tập hợp số (Đoạn, khoảng) - Hiểu được khái niệm tập hợp, tập hợp bằng nhau. - Sử dụng đúng các kí hiệu $\in$ , $\notin$ , $\subset$ , $\supset$ , $\emptyset$ , $A \setminus B$ , $C_E A$ .	1	2		3	0,6
2. Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	<b>2.1. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn</b> <b>Thông hiểu:</b> - Xác định đúng miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Xác định bất phương trình dựa vào các dữ liệu liên quan.		2		2	0,4
	<b>2.2. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn</b> <b>Nhận biết:</b> - Xác định hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Chỉ ra được cặp số $(x; y)$ không phải là nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn.	2			2	0,4
3. Hệ thức lượng trong tam giác	<b>3.1. Giá trị lượng giác của 1 góc <math>0^0</math> đến <math>180^0</math></b> <b>Nhận biết:</b>	1	1		2	0,4

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Số CH	Điểm
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ giữa các giá trị lượng giác của hai cung bù nhau( công thức)</li> <li>- Biết giá trị lượng giác của các góc đặc biệt.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được các giá trị lượng giác của góc bất kì từ <math>0^\circ</math> đến <math>180^\circ</math>.</li> </ul>					
	<b>3.2. Hệ thức lượng trong tam giác</b> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được cạnh thứ 3 khi biết được độ dài hai cạnh và góc xen giữa.</li> <li>- Tính số đo của một góc khi biết được độ dài ba cạnh.</li> </ul>		3		3	0,6
4. Vector	<b>4. 1. Các khái niệm mở đầu</b> <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết các khái niệm và tính chất vector, vector-không, độ dài vector, hai vector cùng phương, hai vector bằng nhau.</li> <li>- Xác định hai vector cùng phương dựa vào hình vẽ.</li> <li>- Điều kiện để ba điểm thẳng hàng, tính chất trung điểm, tính chất trọng tâm.</li> </ul>	3			3	0,6
	<b>4.2. Tổng và hiệu của hai vec tơ</b> <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được qui tắc 3 điểm, quy tắc hình bình hành.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu cách xác định vector là tổng, hiệu các vector cho trước và tính độ dài của nó.</li> </ul>	1	2		3	0,6
	<b>4.3. Tích của một vecto với một số</b> <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết định nghĩa và tính chất tích của vector với một số.</li> <li>- Biết điều kiện để hai vector cùng phương, ba điểm thẳng hàng, tính chất trung điểm, tính chất trọng tâm</li> <li>- Nhận biết đẳng thức vecto liên quan đến trọng tâm của tam giác.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được vector <math>\vec{b} = k\vec{a}</math> khi cho trước số thực <math>k</math> và vector <math>\vec{a}</math>.</li> <li>- Xác định mối quan hệ giữa hai vecto bằng đẳng thức khi cho hình vẽ.</li> <li>- Phân tích một vectơ qua hai vectơ ở mức độ đơn giản.</li> </ul>	2	1		3	0,6
	<b>4.4. Vectơ trong mặt phẳng tọa độ</b> <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết tọa độ của vector khi biểu thị vector đó theo hai vector đơn vị của hệ trục tọa độ Oxy.</li> </ul>	2	1		3	0,6

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Số CH	Điểm
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm được tọa độ của một vectơ khi biết tọa độ điểm đầu và điểm cuối.</li> <li>- Tìm được tọa độ trung điểm, trọng tâm của tam giác.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được độ dài đại số của một vectơ khi biết tọa độ hai điểm đầu mút của nó.</li> <li>- Xác định được mối quan hệ bằng nhau, cùng phương giữa các vectơ thông qua tọa độ của chúng.</li> </ul>					
	<b>4.5. Tích vô hướng của hai vectơ</b> <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết khái niệm góc giữa hai vectơ.</li> <li>- Nhận biết được công thức tính tích vô hướng của hai vectơ.</li> <li>- Tính tích vô hướng của hai vectơ trong trường hợp đặc biệt về góc.</li> <li>- Biết biểu thức tọa độ tích vô hướng.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được góc giữa hai vectơ (tam giác vuông hoặc đều).</li> <li>- Xác định được tích vô hướng của hai vectơ có tọa độ cho trước.</li> <li>- Tìm điều kiện để hai vectơ vuông góc sử dụng biểu thức tọa độ.</li> </ul>	<b>1</b>	<b>2</b>		<b>3</b>	<b>0,6</b>
<b>5. Các số liệu đặc trưng của mẫu số liệu không ghép nhóm</b>	<b>5.1. Số gần đúng và sai số</b> <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được số quy tròn với độ chính xác <math>d</math> cho trước.</li> <li>- Tìm sai số tuyệt đối hoặc độ chính xác của số gần đúng.</li> </ul>	<b>2</b>			<b>2</b>	<b>0,4</b>
	<b>5.2. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm</b> <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được số trung vị với bảng số liệu đã sắp xếp.</li> <li>- Tìm một của bảng số liệu đã sắp xếp.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm tứ phân vị của bảng số liệu đã sắp xếp.</li> </ul>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>2</b>	<b>0,4</b>
	<b>5.3 Các số đặc trưng đo độ phân tán</b> <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được khoảng biến thiên của một mẫu số liệu.</li> <li>- Tìm độ phân tán của bảng số liệu.</li> </ul>	<b>2</b>			<b>2</b>	<b>0,4</b>
<b>Tổng câu</b>		<b>20</b>	<b>15</b>		<b>35</b>	<b>7,0</b>
<b>Tổng điểm</b>		<b>4,0</b>	<b>3,0</b>			

## **PHẦN 2: TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1.** Tìm độ lớn của tổng hợp lực (bài toán thực tế). (VD) (1,0 điểm)

**Câu 2.** Tìm tọa độ các điểm cho trước lập thành tam giác ( cân, đều, vuông). Hoặc tạo thành HBH, hình thang, 3 điểm thẳng hàng; biểu diễn véc tơ theo 2 véc tơ không cùng phương. (VD) (1,0 điểm)

**Câu 3.** Sử dụng tổng hợp kiến thức tổng hợp hình học 10 kì I. (VDC) (1,0 điểm)